TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 334/2020/DS-PT
Ngày: 20/8/2020
V/v: "*Tranh chấp chia thừa kế*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Nam
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thu Hồng
Ông Vũ Toàn Giang

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Lan,Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Trịnh Thu Tân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2020/TLPT-DS ngày 21 tháng 2 năm 2020 về việc "*Tranh chấp chia thừa kế*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019DS-ST, ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 323/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1959 *(có mặt tại phiên toà);*

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số nhà 34 ngõ 194 phố Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

2. Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1962 *(vắng mặt tại phiên toà);*

Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số nhà 45 ngõ 162 phố Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thúy M *(theo văn bản ủy quyền ngày 29/7/2019).*

3. Bà Nguyễn Thúy M, sinh năm 1970 *(có mặt tại phiên toà);*

Hộ khẩu thường trú: 190 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: Phòng 601, số 24 Trần Hữu Tước, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Bị đơn:

1. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1959 *(có mặt tại phiên toà);*

2. Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1957 *(vắng mặt tại phiên toà);*

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Anh Nguyễn Quốc A *(theo giấy ủy quyền ngày 08/8/2019. Anh Quốc Anh có mặt tại phiên toà);*

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông H là ông Trần Đình Triển - Luật sư Văn phòng Luật sư Vì Dân, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

3. Ông Nguyễn Ngọc Qu, sinh năm 1967 *(có mặt tại phiên toà);*

Đồng bị đơn cùng địa chỉ nơi cư trú tại: Số 190 phố Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Minh T, sinh năm 1996 *(vắng mặt tại phiên toà)*

Người đại diện theo uỷ quyền của chị Trang là bà Vũ Thị L *(theo văn bản ủy quyền ngày 16/3/2016 tại Toà án);*

2. Anh Nguyễn Công Hải Đ, sinh năm 2000 *(có mặt tại phiên toà)*

Cùng địa chỉ nơi cư trú tại: Số 190 phố Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964 *(có mặt tại phiên toà);*

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hồng: Anh Nguyễn Quốc A *(theo văn bản uỷ quyền ngày 08/8/2019).*

4. Anh Nguyễn Quốc A, sinh năm 1988 *(có mặt tai phiên toà);*

5. Chị Nguyễn Kim D, sinh năm 1988 *(vắng mặt tai phiên toà);*

Người đại diện theo ủy quyền của chị Duyên: Anh Nguyễn Quốc A *(theo văn bản uỷ quyền ngày 30/6/2016).*

6. Cháu Nguyễn Quốc B, sinh năm 2012

7. Cháu Nguyễn Quốc Bảo N, sinh năm 2015

Người đại diện hợp pháp : Anh Nguyễn Quốc A và chị Nguyễn Thị Duyên là bố mẹ đẻ của cháu An, cháu Nam).

8. Chị Đỗ Thị Tố Ng, sinh năm 1972

9. Anh Nguyễn Quang A, sinh năm 1997

Chị Ng ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc Qu *(theo văn bản ủy quyền ngày 16/3/2016 tại Toà án);*

10. Cháu Nguyễn MA, sinh năm 2007

Người đại diện hợp pháp là anh Nguyễn Ngọc Qu và chị Đỗ Thị Tố Ng là bố mẹ đẻ của cháu Minh Anh).

Cùng Hộ khẩu thường trú và địa chỉ nơi cư trú: Số 190 phố Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

11. Chị Vũ Thị L, sinh năm 1980 *(vắng mặt tại phiên tòa)*

Hộ khẩu thường trú: Số 5 ngõ 79 Vĩnh Phúc, phường Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội.

12. Anh Hồ Đăng D, sinh năm 1990 *(vắng mặt tại phiên tòa)*

Hộ khẩu thường trú: Tổ 22 phường Gia Sàng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; liên doanh với ông Qu bán hàng tại địa chỉ: 190 Đội Cấn, phường Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim D, bà Nguyễn Thúy M thống nhất trình bày:

Bố mẹ các bà là cụ Nguyễn Công Thản (chết năm 2010) và cụ Nguyễn Thị Biết (chết năm 2009). Hai cụ có bảy người con đẻ, gồm:

1. Ông Nguyễn Công Chấn, sinh năm 1951, liệt sĩ đã hy sinh năm 1972, khi chết không có vợ con.

2. Ông Nguyễn Công Chiêu, sinh năm 1953 (đã chết tháng 5 năm 2015), có vợ là bà Vũ Thị L và hai con là Nguyễn Minh T, Nguyễn Công Hải Đ.

3. Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1957

4. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1959

5. Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1962

6. Ông Nguyễn Ngọc Qu, sinh năm 1967

7. Bà Nguyễn Thúy M, sinh năm 1970.

Về nguồn gốc nhà đất:

Kể từ khi kết hôn, vợ chồng cụ Thản, cụ Biết về sống cùng cụ Nguyễn Thị Hiểu (là mẹ đẻ của cụ Biết) tại số nhà 190 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba

Đình, thành phố Hà Nội và được cụ Hiểu cho nhà, đất ở tại đây. Năm 2000 thì cụ Hiểu chết. Ngôi nhà trên đất do các cụ bên ngoại xây từ khoảng năm 1920 theo thiết kế nhà ba gian, rộng khoảng 45m^2, 1 tầng, móng gạch rộng, tường gạch 20cm, trần rơm, mái ngói với nhà phụ ở phía sau và khoảng sân phía trước.

Hai cụ Thản, cụ Biết sở hữu, sử dụng diện tích nhà và đất này theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101132547 do Ủy ban nhân dân quận Ba Đình cấp ngày 21 tháng 05 năm 2004 với diện tích 87.22m^2, diện tích sử dụng là 235m^2 nằm ở mặt đường phố Đội Cấn. Hiện tại toàn bộ diện tích 87.22m^2 đều là nhà xây sửa dựa trên tường nhà cũ.

Năm 1980 bà Nguyễn Thị Kim H lập gia đình và sống tại nhà chồng. Năm 1987 ông Nguyễn Quốc H cưới vợ. Bà Nguyễn Thị Kim D lập gia đình và về nhà chồng ở năm 1987.

Năm 1988, do nhà thiếu phòng riêng, hai cụ Thản, cụ Biết đã cơi nới diện tích sân 2.83m^2 mặt tiền, tổng diện tích khoảng 22m^2 thành nhà mái bằng một tầng cho vợ chồng ông Nguyễn Quốc H có chỗ ăn ở khép kín. Phần nhà này được sửa tạm một bên gác vào tường nhà cụ Liên (là chị ruột cụ Biết), một bên gác vào tường nhà chính của gia đình. Toàn bộ chi phí do cụ Thản, cụ Biết chi trả.

Năm 1996, ông Nguyễn Quốc H cơi nới thêm tầng 2 để ở, còn tầng 1 cho thuê cửa hàng. Năm 2012, khi con trai ông H là cháu Nguyễn Quốc A cưới vợ, ông H cơi nới tiếp tầng 3 bằng vật liệu nhẹ để cho vợ chồng cháu Quốc Anh có phòng riêng và vẫn tiếp tục cho thuê cửa hàng tầng 1. Thu nhập từ việc cho thuê cửa hàng, ông H dùng cho bản thân và gia đình mình.

Phần diện tích nhà còn lại, năm 1995 ông Nguyễn Công Chiêu và ông Nguyễn Ngọc Qu góp tiền cùng cơi nới để có thêm diện tích sinh hoạt của cả gia đình với tầng 2 có sàn bê tông. Sau khi sửa nhà xong 2/3 diện tích tầng 1 cho thuê. Thu nhập từ việc cho thuê cửa hàng được sử dụng vào việc thuê người giúp việc, chăm sóc hai cụ cũng như phụ giúp sinh hoạt hàng ngày của cụ Thản, cụ Biết. Ngoài các khoản cần thiết khác để chăm sóc cụ Biết ốm đều do bà Nguyễn Thúy M chi trả. Năm 1999 bà Nguyễn Thúy M xây nhà vệ sinh ở tầng lửng để thuận tiện cho việc sinh hoạt của gia đình.

Cụ Biết sau gần 20 năm ốm đau trong đó có 9 năm nằm liệt giường, cụ Biết đã qua đời vào năm 2009. Cụ Thản cũng chết ít tháng sau đó vào năm 2010. Khi chết hai cụ không để lại di chúc.

Di sản thừa kế để lại gồm: Nhà, đất tại 190 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội, diện tích đất 87.22m^2 và diện tích xây dựng là 87.22m2. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất ở số 10101132547, Ủy ban nhân dân quận Ba Đình cấp ngày 21 tháng 05 năm 2004 đứng tên cụ Thản và cụ Biết.

Trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2012 đến tháng 3 năm 2014, bà Nguyễn Thúy M sử dụng khoảng 3.21m^2 mặt tiền và chiều sâu khoảng 3m nằm trong diện tích ông Nguyễn Công Chiêu và ông Nguyễn Ngọc Qu sử dụng làm cửa hàng kinh doanh quần áo thời trang trẻ em.

Từ tháng 4 năm 2014 đến tháng 10 năm 2015 bà Nguyễn Thị Kim D sử dụng phần diện tích mà bà M đã sử dụng để kinh doanh quần áo thời trang trẻ em. Diện tích này ngoài việc sử dụng kinh doanh thì vẫn là lối đi của gia đình ông Chiêu và ông Qu.

Hiện nay nhà, đất nêu trên do gia đình ba (03) người con trai quản lý sử dụng, cụ thể: vợ chồng ông Nguyễn Quốc H cùng và vợ chồng cháu Nguyễn Quốc A đang sử dụng khoảng 2,82m^2 mặt tiền và chiều sâu khoảng 7.17m. Phần diện tích nhà đất còn lại do gia đình ông Chiêu (đã chết) vợ là Vũ Thị L và 2 con đang ở 01 phòng trên tầng 2 khoảng 20m2, sử dụng công trình phụ tầng 1. Hai con của chị Minh chưa có gia đình. Gia đình ông Nguyễn Ngọc Qu cùng vợ, con sử dụng 1 phòng tầng 3 và 1 phòng tầng 1, công trình phụ sử dụng ở tầng 2. Các phần còn lại là lối đi và diện tích sử dụng chung.

Về công sức chăm sóc bố mẹ:

Trước khi chết, cụ Biết ốm thời gian dài phải nằm liệt giường, người chăm sóc chính là bà M nên đề nghị Tòa án xem xét tính công sức cho bà M thỏa đáng vì toàn bộ tiền chăm sóc do bà M bỏ ra.

Trước khi khởi kiện anh, chị, em trong gia đình có tự hòa giải chia tài sản chia nhà, đất nêu trên thành 6 kỷ phần cho 6 anh chị em trong gia đình theo mức: ông Nguyễn Ngọc Qu được hưởng 30%, ông Nguyễn Công Chiêu và ông Nguyễn Quốc H được hưởng mỗi người 20%; bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim D và bà Nguyễn Thị Thúy Mai, mỗi người được hưởng 10%. Tuy nhiên ông

Nguyễn Quốc H không đồng ý và cho rằng phần diện tích đất gia đình ông H đang sử dụng là tài sản của riêng ông H, không còn là di sản thừa kế của bố mẹ để lại.

Nay các bà khởi kiện đề nghị Toà án chia di sản thừa kế theo pháp luật do cụ Nguyễn Công Thản và cụ Nguyễn Thị Biết để lại là toàn bộ nhà và đất ở theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101132547, theo kỷ phần của mỗi người tương đương 14.53m^2 và đều có mặt tiền là mặt đường phố Đội Cấn.

Đề nghị tính công sức nuôi dưỡng hai cụ lúc ốm đau cho bà M và vợ chồng ông Qu cho thỏa đáng.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà D, bà H, bà M đề nghị chia kỷ phần thừa kế cho các bà bằng hiện vật chung vào một khối.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc H và người đại diện theo uỷ quyền là anh Nguyễn Quốc A trình bày:

Về quan hệ huyết thống ông H nhất trí với trình bày của nguyên đơn

Về nguồn gốc di sản thừa kế: Ngày 12/6/1994 cụ Nguyễn Thị Liên (chị gái cụ Biết) và mẹ của ông là cụ Nguyễn Thị Biết có lập Biên bản thoả thuận về việc chia gia sản thừa kế tại 190 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội và thoả thuận: cụ Liên nhận phần đất có diện tích 36,15m^2. Cụ Biết nhận phần đất còn lại 88,84m^2 trên đất có nhà gạch 4 gian cũ.

Năm 1988, gia đình cụ Liên (chị gái cụ Biết) xây dựng 01 căn nhà khép kín có diện tích là 36,15m^2 để ở. Hiện nay phần nhà khép kín cụ Liên xây dựng trên phần sân vẫn lấy số nhà 190 Đội Cấn.

Cùng thời điểm năm 1988, cụ Thản, cụ Biết đã xây dựng ngôi nhà 01 tầng mái bằng bê tông cốt thép khép kín, kiên cố trên diện tích gần sân còn lại để cho gia đình ông ra ở riêng, tự lo cuộc sống. Căn nhà có diện tích ngang mặt phố 2,8m và sâu khoảng 4,9 m. Diện tích khoảng 13,7m^2 có chung tường với nhà cũ của cụ Thản, cụ Biết và nhà của cụ Liên, đồng thời xây dựng khu bếp, cầu thang bằng bê tông, phần phụ này có diện tích khoảng 6,5 m^2.

Hiện nay diện tích nhà và khu phụ tầng 1 vẫn giữ nguyên hiện trạng như ban đầu đã xây dựng và vẫn lấy số nhà 190 Đội Cấn. Khi được hai cụ cho nhà, đất thì tất cả các anh, em trong nhà không ai có ý kiến phản đối. Việc cụ Thản, cụ Biết cho ông H nhà đất đó chỉ nói miệng không có văn bản, giấy tờ gì.

Năm 1995, cụ Thản cùng ông Chiêu và ông Qu có tiến hành sửa chữa và xây dựng thêm 02 tầng nữa. Ông Hùng có đưa cho ông Qu 1.000.000đồng để sau này ông H được sử dụng chung bức tường mới xây (việc ông H đưa cho ông Quang tiền vì lúc này ông Qu là người đảm nhiệm việc trang trải, chi tiêu trong quá trình xây dựng).

Năm 1996 do chỗ ở chật hẹp nên ông H xây dựng thêm tầng 2, mái bằng bê tông kiên cố, đổ cột bê tông từ móng của tầng 1 lên tầng 2. Cả hai phía giáp nhà cụ Liên và nhà cũ của cụ Thản, cụ Biết và làm thêm phần dầm bê tông chịu lực ở sân tầng 2, xây thêm bức tường mới giáp nhà cụ Liên và xây thêm khu vệ sinh nhà tắm riêng biệt ở tầng 2 trên nóc vệ sinh tầng 1 mà hai cụ và gia đình đang sử dụng. Tổng chi phí xây dựng khoảng 40 triệu đồng. Khi xây dựng thêm tầng 2 ông H phải làm đơn gửi UBND phường để xin phép sửa chữa và cơi nới nhà ở, Trong đơn đề ngày 05/12/1996 gửi Chủ tịch UBND phường Đội Cấn, cụ Thản ghi rõ ý kiến: *" Tôi là Nguyễn Công Thản, số nhà 190 Đội Cấn, cạnh nhà anh Hùng, nhất trí để anh Hùng sửa nhà".* Ngoài ra còn có ý kiến của tổ dân phố xác nhận trong đơn. Quá trình xây dựng anh, em trong gia đình không ai có ý kiến phản đối gì.

Sau khi xây dựng xong, gia đình ở tầng 2 còn tầng 1 cho thuê. Trước khi mất, cụ Thản nhiều lần động viên ông H làm thêm tầng 3 cụ sẽ giúp đỡ tiền để gia đình có chỗ ở rộng rãi.

Năm 2012 ông H cải tạo, xây dựng thêm tầng 3 để có thêm diện tích cho vợ chồng anh Quốc A có chỗ ở. Khi xây dựng thêm tầng 3, ông H làm vật liệu kiên cố và chắc chắn để sử dụng lâu dài và làm thêm cả khu bếp, khu vệ sinh, cầu thang lên tầng 3. Khi xây dựng anh, chị, em trong gia đình đều biết và cũng không ai có ý kiến phản đối gì.

Như vậy, từ năm 1988 đến năm 2016 đã gần 30 năm, gia đình ông H sinh sống ổn định 3 thế hệ trên diện tích nhà, đất mà bố mẹ ông H đã cho khi ra ở riêng và các diện tích làm thêm nhiều lần trong nhiều năm, các anh, em của ông H không có ai phản đối gì, cũng không có ai tranh chấp, kiện cáo gì về diện tích nhà, đất này.

Ngoài diện tích gia đình ông H đang ở ổn định thì không có đất và nhà ở nào khác.

Nguyên đơn căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10101132547 do UBND quận Ba Đình cấp ngày 21/5/2004 đứng tên cụ Thản, cụ Biết để yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cả phần diện tích nhà đất của ông H là không đúng. Tại Công văn số 80 ngày 14/01/1993 của sở nhà đất thành phố Hà Nội xác nhận cụ Thản, cụ Biết đã kê khai toàn bộ phần đất đã chia với cụ Liên là 88, 84 m^2. Còn phần nhà của cụ Thản, cụ Biết là 71,44m^2 một tầng, đây là ngôi nhà cũ của hai cụ và anh, em ông H sử dụng. Còn phần nhà ông H đang ở thì cụ Thản, cụ Biết đã cho ông từ năm 1988 và cho đến khi cụ Thản cụ Biết được cấp sổ đỏ năm 2004 cũng xác nhận cụ Thản, cụ Biết là chủ sở hữu nhà ở kết cấu bê tông 3 tầng không có phần diện tích kết cấu nhà bê tông 2 tầng của gia đình ông H ở bên cạnh. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho gia đình ông H cũng như chỗ ở và các quyền lợi về tài sản.

Về công sức đóng góp vào khối di sản của cụ Thản, cụ Biết, ông H không đóng góp gì nên không đề nghị xem xét.

Về công sức chăm sóc cụ Biết: đề nghị Tòa án tính công sức cho bà M theo quy định của pháp luật, ông H không phản đối. Ông Hùng xác nhận có một phần công sức đóng góp nhưng không đề nghị tính công sức.

Ông Hùng đề nghị Tòa án công nhận phần nhà, đất 3 tầng riêng biệt đã được cụ Thản, cụ Biết cho và diện tích xây dựng thêm gia đình đã ở ổn định theo ý chí của hai cụ là tài sản riêng của gia đình ông H.

Phần diện tích nhà, đất còn lại là di sản thừa kế của cụ Thản, cụ Biết để lại ông H không có ý kiến, tranh chấp gì. Đề nghị Tòa án giải quyết hợp tình, hợp lý đúng thực tế khách quan, hoàn cảnh lịch sử của gia đình để ổn định cuộc sống, đảm bảo quyền, lợi hợp pháp về tài sản cho gia đình ông.

Đồng bị đơn - ông Nguyễn Ngọc Qu trình bày:

Về quan hệ huyết thống, ông xác nhận như nguyên đơn trình bày là đúng.

Hiện nay, cùng vợ và 02 con sử dụng 1 phòng tầng 1 và tầng 3, công trình phụ ở tầng 2.

Do khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ Thản, cụ Biết chưa nộp thuế trước bạ nên ngày 05/9/2019, ông đã đại diện cho những người thừa kế của bố mẹ nộp lệ phí trước bạ nhà đất tại 190 Đội Cấn với số tiền là

25.483.570đồng. Đề nghị Tòa án trừ vào khối di sản của bố mẹ ông và trả lại cho ông số tiền này.

Về công sức đóng góp vào khối di sản :

Ngôi nhà 190 Đội Cấn mà hiện nay gia đình anh đang sử dụng, có 01 tầng cũ (nguyên thủy là của bố mẹ ông), nhà mái ngói. Năm 1995 ông phá bỏ mái ngói và đổ trần, sửa chữa thành nhà 03 tầng như hiện nay.

Sau khi cụ Thản, cụ Biết chết, từ năm 2009 đến nay ông Qu đóng thuế quyền sử dụng đất theo diện tích ghi trên sổ đỏ, do vậy ông Qu đề nghị tính công sức cho ông.

Về công sức chăm sóc cụ Biết: Đề nghị Tòa án tính công sức cho vợ chồng ông và bà M theo quy định của pháp luật vì khi cụ Biết ốm thì cụ Biết ở với vợ chồng ông và bà M nên cả vợ chồng ông và bà M đều có công chăm sóc mẹ.

Đồng bị đơn - bà Vũ Thị L trình bày:

Năm 1996 bà kết hôn với ông Nguyễn Công Chiêu và về ở cùng bố mẹ chồng tại 190 Đội Cấn, khi đó là nhà 01 tầng mái ngói chưa xây dựng. Năm 2015 ông Chiêu mất. Quá trình sinh sống tại đây đến năm 1995 vợ chồng bà cùng ông Quang sửa chữa, cải tạo thành nhà 3 tầng, vợ chồng bà thay 02 bộ cửa gỗ thành cửa sắt và tôn nền gạch tại tầng 1, giá trị sửa chữa cải tạo đã lâu nên bà không nhớ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay bà và hai con (chưa lập gia đình) đang sử dụng 01 phòng trên tầng 2 khoảng 20m2, sử dụng công trình phụ tầng 1. Sau khi cụ Thản, cụ Biết chết thì ông Quang đóng thuế quyền sử dụng đất đối với diện tích nhà đất này.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà Minh và hai con xin hưởng kỷ phần thừa kế của chồng bằng hiện vật vì ngoài chỗ ở này, mẹ con bà L không còn nơi ở nào khác.

Về công sức chăm sóc bố mẹ: Bà đồng ý tính công sức cho bà M, không đồng ý tính công sức cho vợ chồng ông Qu vì ông Qu cầm tiền thuê hai cửa hàng ở tại 190 Đội Cấn nên ông Qu phải có trách nhiệm bỏ tiền ra chăm sóc mẹ. Khi ông Qu cho thuê cửa hàng thì vợ chồng bà phải mượn cửa hàng ở nơi khác để sinh sống. Trong những ngày cụ Biết ốm, vợ chồng bà vẫn thăm hỏi và biếu tiền cho cụ, bà xác định đó là tâm của các con. Lúc đó các con bà còn nhỏ bà không có công sức gì nên không đề nghị tính công sức.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đỗ Thị Tố Ng, cháu Nguyễn Quang A và cháu Nguyễn MA - Do ông Qu đại diện, đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình ông Qu theo quy định của pháp luật.

2. Anh Nguyễn Quốc A, chị Nguyễn Kim D, cháu Nguyễn Quốc B, Nguyễn Quốc Bảo N do anh Quốc A đại diện, nhất trí với ý kiến của ông H và không bổ sung gì thêm.

3. Bà Nguyễn Thị H do anh Nguyễn Quốc A đại diện, nhất trí với ý kến của ông H và không bổ sung gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 40/2019/DS - ST ngày 29/11/2019 Toà án nhân dân quận Ba Đình đã xét xử:

I. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của chị Nguyễn Thị Kim H, chị Nguyễn Thị Kim D, chị Nguyễn Thúy M đối với chị Vũ Thị L, anh Nguyễn Quốc H, anh Nguyễn Ngọc Qu.

II. Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Công Thản và bà Nguyễn Thị Biết để lại là 87,22m2 đất và tài sản gắn liền với đất có tổng giá trị là 20.251.393.992 đồng (Hai mươi tỷ, hai trăm năm mốt triệu, ba trăm chín ba nghìn, chín trăm chín hai đồng) tại số 190 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 797.2004.QĐUB .1535.2004 do UBND quận Ba Đình cấp ngày 21/5/2004 cho ông Nguyễn Công Thản và bà Nguyễn Thị Biết.

III. Xác định thời điểm mở thừa kế của ông Nguyễn Công Thản là năm 2010 và bà Nguyễn Thị Biết là năm 2009.

IV. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Công Thản và bà Nguyễn Thị Biết gồm:

1. Anh Nguyễn Công Chiêu, (chết năm 2015), người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Chiêu là chị Vũ Thị L và hai con là Nguyễn Minh T và Nguyễn Công Hải Đ.

2. Anh Nguyễn Quốc H

3. Chị Nguyễn Thị Kim H

4. Chị Nguyễn Thị Kim D

5. Anh Nguyễn Ngọc Qu

6. Chị Nguyễn Thúy M

V. Xác định công sức của anh Nguyễn Ngọc Qu và chị Nguyễn Thuý Mai mỗi người bằng 1/2 kỷ phần thừa kế.

VI. Chia bằng giá trị di sản thừa kế của ông Nguyễn Công Thản và bà Nguyễn Thị Biết làm 7 kỷ phần (6 kỷ phần thừa kế + 1 phần công sức) :

- Các thừa kế của anh Nguyễn Công Chiêu là chị Vũ Thị L và hai con là Nguyễn Minh T và Nguyễn Công Hải Đ được chung một kỷ phần là 2.893.056.284đồng (Hai tỷ, tám trăm chín mươi ba triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm tám mươi tư đồng).

- Anh Nguyễn Quốc H, chị Nguyễn Thị Kim H, chị Nguyễn Thị Kim D mỗi người được một kỷ phần là 2.893.056.284 đồng (Hai tỷ, tám trăm chín mươi ba triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm tám mươi tư đồng).

- Anh Nguyễn Ngọc Qu, chị Nguyễn Thúy M mỗi người được hưởng 1,5 kỷ phần là 4.339.584.426 đồng (Bốn tỷ, ba trăm ba mươi chín triệu, năm trăm tám mươi tư nghìn, bốn trăm hai mươi sáu đồng).

VII. Chia bằng hiện vật:

Chia theo chiều thẳng đứng từ tầng 3 xuống tầng 1, chạy dọc theo phần nhà đất mặt phố Đội Cấn cho các đương sự (có sơ đồ kèm theo bản án).

Cụ thể:

- Chia cho anh Nguyễn Quốc H được quyền sở hữu sử dụng 17,89 m2 nhà đất, có chiều rộng mặt phố Đội Cấn là 2,76m, chiều dài 6,48m và được sở hữu sử dụng các công trình xây dựng trên đất được chia (được giới hạn bởi các điểm 4, 5, 6, 4' trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

Trị giá phần nhà đất anh Hùng được chia là: 4.146.540.527 đồng (Bốn tỷ, một trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi nghìn, năm trăm hai mươi bảy đồng). So với kỷ phần được hưởng còn dư ra 1.253.484.243 đồng (Một tỷ, hai trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi tư nghìn, hai trăm bốn mươi ba đồng) nên anh Hùng phải thanh toán lại cho chị Mai 1.253.484.243 đồng (Một tỷ, hai trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi tư nghìn, hai trăm bốn mươi ba đồng).

- Chia cho chị Nguyễn Thị Kim H, chị Nguyễn Thị Kim D, chị Nguyễn Thúy Mai được quyền sở hữu sử dụng chung một khối nhà đất diện tích 28,64 m2, phần nhà đất tiếp giáp nhà anh Hùng, có chiều rộng mặt phố Đội Cấn là 2,16 m, được sở hữu sử dụng các công trình xây dựng trên đất được chia (được giới hạn bởi các điểm 3,4, 4', 6,7, 8 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án). Được sở hữu sử dụng

bức tường ngăn giữa phần nhà đất chia cho anh Hùng và phần nhà đất chia cho chị Dung, chị Hằng, chị Mai.

Trị giá nhà đất chị Dung, chị Hằng, chị Mai được chia là 6.638.173.320 đồng (Sáu tỷ, sáu trăm ba mươi tám triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn, ba trăm hai mươi đồng).

So với kỷ phần được hưởng, chị Mai, chị Dung, chị Hằng còn thiếu 3.487.523.674 đồng (Ba tỷ, bốn trăm tám mươi bảy triệu, năm trăm hai mươi ba nghìn, sáu trăm bảy mươi tư đồng) nên chị Mai được anh Hùng thanh toán là: 1.253.484.243 đồng (Một tỷ, hai trăm năm mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi tư nghìn, hai trăm bốn mươi ba đồng). Anh Quang thanh toán cho chị Mai là 374.816.598 đồng (Ba trăm bảy mươi tư triệu, tám trăm mười sáu nghìn, năm trăm chín mươi tám đồng).

Chị Dung và chị Hằng mỗi người được chị Minh cùng hai con chị Minh thanh toán 910.672.370 đồng (Chín trăm mười triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, ba trăm bảy mươi đồng).

- Chia cho anh Nguyễn Ngọc Qu nhà đất diện tích 20,34 m2 tiếp giáp nhà đất chia cho chị Hằng, chị Dung, chị Mai có chiều rộng mặt phố Đội Cấn là 2,16m, chiều dài 9,42 m, được sở hữu sử dụng các công trình xây dựng trên đất được chia (được giới hạn bởi các điểm 2, 3, 8, 9 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

Trị giá nhà đất anh Quang được chia là: 4.714.401.024đồng (Bốn tỷ, bảy trăm mười bốn triệu, bốn trăm linh một nghìn, không trăm hai mươi tư đồng). So với kỷ phần được hưởng còn dư 374.816.598 đồng (Ba trăm bảy mươi tư triệu, tám trăm mười sáu nghìn, năm trăm chín mươi tám đồng) nên anh Quang phải thanh toán cho chị Mai là: 374.816.598 đồng (ba trăm bảy mươi tư triệu, tám trăm mười sáu nghìn, năm trăm chín mươi tám đồng).

- Chia cho các thừa kế của anh Nguyễn Công Chiêu là chị Vũ Thị L và hai con là Nguyễn Minh T và Nguyễn Công Hải Đ được sở hữu sử dụng diện tích nhà đất còn lại 20,34 m2, có chiều rộng phố Đội Cấn 2,16m, chiều dài 9,42 m và được sở hữu, sử dụng các công trình xây dựng trên diện tích đất được chia (được giới hạn bởi các điểm 1,2,9,10 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

Phần nhà đất chia cho chị Vũ Thị L và hai con là Nguyễn Minh T và Nguyễn Công Hải Đ có tổng giá trị là 4.714.401.024 đồng (Bốn tỷ, bảy trăm mười bốn triệu, bốn trăm linh một nghìn, không trăm hai tư đồng). So với kỷ phần được hưởng còn

dư ra là 1.821.344.740 đồng (Một tỷ, tám trăm hai mươi mốt triệu, ba trăm bốn mươi bốn nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng) nên chị Minh và cháu Đăng cháu Trang phải thanh toán lại cho chị Hằng 910.672.370 đồng (Chín trăm mười triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, ba trăm bảy mươi đồng) và thanh toán cho chị Dung 910.672.370 đồng (Chín trăm mười triệu, sáu trăm bảy mươi hai nghìn, ba trăm bảy mươi đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, **ngày 11/12/2019** bị đơn - bà Vũ Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì cho rằng bản án vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không đảm bảo khách quan, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của gia đình bà, cụ thể: Chưa xem xét công chăm sóc của bố mẹ một cách đầy đủ đối với vợ chồng bà L, chưa tính công đưa ông Nguyễn Công Chấn (con cả của cụ Thản, cụ Biết là liệt sĩ) từ Tây Nguyên về nghĩa trang thành phố Hà Nội của vợ chồng bà L; việc định giá tài sản 230.000.000đ/m^2 đất là cao, bà đề nghị trở lại giá cũ 150.000.000đ/m^2; vợ chồng bà L có công sức đóng góp trong khối di sản thừa kế, cùng ông Qu xây tầng 2, tầng 3, đổ cát, làm cửa sắt, sửa sang toàn bộ nhà tầng 1 và đóng góp bằng tiền mặt nhưng chưa được Toà án cấp sơ thẩm xem xét; bản án sơ thẩm tuyên bà L phải chịu án phí là không đúng quy định…

Cùng ngày **11/12/2019** đồng bị đơn - ông Nguyễn Quốc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Quốc A (vợ và con ông H) có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và cho rằng, việc tính công sức chăm sóc của ông Qu, bà M bằng 1 kỷ phần thừa kế là không thỏa đáng; việc định giá 230.000.000đồng/m^2 là qúa cao.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nhất trí với bản án sơ thẩm và đề nghị giữ nguyên.

Đồng bị đơn ông H, bà L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồng và anh Quốc A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho gia đình mình.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn - ông Nguyễn Quốc H sau khi trình bày luận cứ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông H phát biểu và đề nghị:

- Bản án sơ thẩm chưa xác minh đầy đủ về nguồn gốc đất đai thuộc quyền sở hữu của ai?. Lời khai của các đương sự thể hiện nguồn gốc đất là của cụ Nguyễn Thị Hiểu (mẹ đẻ của cụ Biết) để lại và chia cho hai chị em là cụ Biết và cụ Nguyễn Thị Liên, như vậy có xác định tài sản này là của chung hai vợ chồng cụ Thản và cụ Biết không?.

- Khi cụ Thản, cụ Biết còn sống thì hai cụ có thu nhập và có tài sản riêng, tiền cho thuê nhà được sử dụng để chăm sóc, phục vụ sinh hoạt cho hai cụ. Việc thăm hỏi, chăm sóc các cụ là trách nhiệm của các con. Toà án cấp sơ thẩm tính công sức chăm sóc bố mẹ cho bà M và ông Qu mỗi người ½ kỷ phần thừa kế là không thoả đáng.

- Diện tích nhà, đất (tầng 1) ông H đang sử dụng được cụ Thản, cụ Biết xây dựng và cho ra ở riêng từ lâu. Khi cho ông H, anh, chị, em ông H đều biết nhưng không ai có ý kiến gì. Khi ông H thực hiện việc sửa chữa, cơi nới làm thêm tầng 2 có xin phép UBND phường, trong đơn cụ Thản cũng ghi, cụ Thản có nhà đất ở cạnh và đồng ý cho ông H được cơi nới, sửa chữa xây dựng thêm. Căn cứ Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 20/8/1998 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội, xác định đây là tài sản riêng của ông H. Toà án cấp sơ thẩm đưa diện tích nhà, đất, trong đó có cả phần diện tích ông H xây dựng thêm (tầng 2, tầng 3) vào di sản thừa kế để chia theo pháp luật là không đúng quy định.

- Khi định giá tài sản phải căn cứ vào các quy định của Nhà nước về giá đất trên địa bàn, tuy nhiên Hội đồng định giá không căn cứ vào quy định nào cả mà định giá đất 230.000.000đ/m^2 là không phù hợp.

- Việc chia kỷ phần thừa kế bằng hiện vật đối với nhà, đất của ông H khi thi hành án sẽ rất khó khăn.

Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, làm rõ những nội dung nêu trên mà tại cấp phúc thẩm không khắc phục được, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá quá trình giải quyết vụ án đã phát biểu và đề nghị:

- Về việc xác định di sản thừa kế: Năm 2003 cụ Thản, cụ Biết được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ thửa đất tranh chấp, do đó xác định, toàn bộ thửa đất tại 190 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội là di sản thừa kế do cụ Thản, cụ Biết để lại là có cơ sở.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác nhận, cụ Thản, cụ Biết chỉ xây dựng nhà ở tầng 1của khối nhà ông H sử dụng và khối nhà chính gia đình ông Qu, bà L hiện đang sử dụng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định cả diện tích tầng 1 và tầng 2 của hai khối nhà trên là di sản thừa kế của cụ Thản cụ Biết để lại và chia thừa kế theo pháp luật là không đúng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các đương sự.

- Về việc trích công sức: Tại cấp sơ thẩm các đương sự đều xác nhận bà M có nhiều công sức trong việc chăm sóc cụ Thản, cụ Biết lúc ốm đau và đồng ý trích công sức cho bà M là đúng. Đối với ông Qu là người sống cùng nhà với cụ Thản, cụ Biết khi các cụ còn sống và cũng có công sức chăm sóc lúc các cụ ốm đau, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm tính công sức cho bà M và ông Qu mỗi người bằng ½ kỷ phần thừa kế là quá nhiều, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tính lại theo hướng trích công sức cho bà M và ông Qu mỗi người bằng ¼ kỷ phần thừa kế là phù hợp.

- Đối với số tiền ông Qu nộp lệ phí chước bạ nhà, đất 25.483.570đồng, ông Qu đề nghị tính vào di sản thừa kế để lại trước khi chia thừa kế, tuy nhiên ông H, bà L không đồng ý. Bà Minh đề nghị số tiền này chia đều cho các đồng thừa kế cùng có trách nhiệm thanh toán. Do vậy cần tôn trọng ý kiến của đương sự, xác định số tiền này các đương sự cùng phải có trách nhiệm thanh toán.

- Đối với việc phát triển, gìn giữ và làm tăng giá trị di sản thừa kế, đề nghị Hội đồng xét xử xác định vợ chồng bà L cùng ông Qu có công sức xây dựng, sửa chữa tầng 2, tầng 3 ngôi nhà chính nên mỗi người được sở hữu ½ giá trị xây dựng tầng 2, tầng 3.

- Đối với kết quả định giá đất: Sau khi định giá, bà L, ông H đều không đề nghị định giá lại, nay kháng cáo cho rằng giá đất do Hội đồng định giá quá cao là không có cơ sở xem xét.

- Về cách phân chia di sản:

Đối với bức tường ngăn giữa hai khối nhà, theo sơ đồ đo vẽ hiện trạng nhà và lời khai của các đương sự, khi cụ Biết, cụ Thản xây khối nhà hiện ông H đang sử dụng, phần tường dựa vào tường nhà cũ (hiện do ông Qu, bà L đang sử dụng). Năm 1995 ông Qu, ông Chiêu cải tạo thêm tầng 2, tầng 3 (xây tiếp phần tường cũ), như vậy bức tường này là một phần gắn liền với khối nhà được phân chia cho các đồng nguyên đơn, do đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên giao cho các đồng nguyên đơn được sở hữu, sử dụng bức tường này là có căn cứ.

Về phân chia nhà, đất: phần công trình phụ tầng 1 từ trước đến nay do ông Qu, bà L đang sử dụng. Nay ông H được chia phần diện tích nhà có chiều dài mặt tiền lớn nhất (2,67m), trong khi diện tích các đồng nguyên đơn được giao chỉ có mặt tiền 2,16m. Mặt khác phần công trình phụ tầng 1 từ trước đến nay thuộc khối nhà cũ vẫn do gia đình bà L, ông Qu sử dụng, nay Tòa án sơ thẩm giao cho các đồng nguyên đơn sử dụng phần công trình phụ này, chiếu thẳng từ dưới lên (cắt phần công trình phụ của gia đình ông H tại tầng 2, tầng 3) là phù hợp, vẫn đảm bảo được việc thi hành án.

Như vậy kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có cơ sở chấp nhận một phần.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm như nội dung trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về tố tụng:

Đồng bị đơn - ông Nguyễn Quốc H, bà Vũ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Quốc A có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên xác định kháng cáo là hợp lệ.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có đơn kháng cáo, Toà án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

2. Về Nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1 Xác định thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế:

Cụ Nguyễn Thị Biết chết ngày 24/4/2009 và cụ Nguyễn Công Thản, chết ngày 21/2/2010 nên xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Biết là ngày 24/4/2009, cụ Thản là ngày 21/2/2010.

Ngày 10/12/2015, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim D và bà Nguyễn Thúy M có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của cụ Thản, cụ Biết để lại. Căn cứ Điều 645 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn là trong thời hiệu khởi kiện.

2.2 Về xác định hàng thừa kế và người thừa kế

Căn cứ vào trình bày thống nhất của các đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập được xác định:

Cụ Nguyễn Công Thản và cụ Nguyễn Thị Biết có 07 người con chung gồm:

- Ông Nguyễn Công Chấn, sinh năm 1951, là liệt sĩ, chết năm 1972, khi chết không có vợ con.

- Ông Nguyễn Công Chiêu, sinh năm 1953, chết năm 2015, có vợ là bà Vũ Thị L và hai con là Nguyễn Minh T và Nguyễn Công Hải Đ.

- Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1957

- Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1959

- Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1962

- Ông Nguyễn Ngọc Qu, sinh năm 1967

- Bà Nguyễn Thúy M, sinh năm 1970.

Ngoài ra hai cụ không có người con riêng, con nuôi nào khác.

2.3 Xác định di sản thừa kế

Nhà, đất tại số 190 Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội, có nguồn gốc của cụ Nguyễn Thị Hiếu (mẹ đẻ của cụ Biết) để lại cho vợ chồng cụ Thản, cụ Biết. Ngày 21/5/2004, UBND quận Ba Đình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số 10101132547, hồ sơ gốc số 797.2004.QĐUB.1535.2004 đứng tên cụ Nguyễn Công Thản, cụ Nguyễn Thị Biết, diện tích 87,22m^2, diện tích sử dụng 235m^2, hiện nay gia đình ông Nguyễn Quốc H, bà Vũ Thị L (vợ ông Chiêu) và ông Nguyễn Ngọc Qu đang sử dụng.

Các đương sự đều xác nhận đây là di sản thừa kế của cụ Thản, cụ Biết để lại. Riêng ông Nguyễn Quốc H cho rằng, năm 1988 ông được bố mẹ xây nhà mái bằng một tầng, diện tích khoảng 13,7m^2 và cho vợ chồng ông ra ở riêng. Năm 1995 xây lên tầng 2 và cho đến năm 2012 ông xây thêm tầng 3. Cả gia đình gồm vợ chồng, con, cháu ông H ở tại đây nhiều năm nay, trong gia đình các anh, em của ông H đều biết nhưng không có ai phản đối nên ông H xác định, phần diện tích nhà, đất này là tài sản riêng của ông đã được bố mẹ cho không phải là di sản để chia thừa kế.

Xét thấy, cụ Biết chết năm 2009, cụ Thản chết năm 2010, khi chết không để lại di chúc, phần diện tích nhà, đất theo ông H trình bày đã được cụ Thản, cụ Biết cho và đã xây dựng, cải tạo, cơi nới, sinh sống từ nhiều năm nay, tuy nhiên trình bày của ông H không được các anh, em của ông H là những người trong hàng thừa kế của cụ Thản, cụ Biết công nhận. Ông Hùng cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cụ Thản, cụ Biết đã cho ông phần diện tích nhà, đất này nên không có căn cứ xác định lời trình bày của ông H là có căn cứ. Trên cơ sở đó xác định toàn bộ nhà, đất tại địa chỉ số 190 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội có diện tích 87,22m^2 được xác định là di sản thừa kế của cụ Thản, cụ Biết để lại, nay có yêu cầu chia thừa kế, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông H đã sửa chữa, xây thêm tầng 2, tầng 3 khối nhà thứ nhất (ông H đang sử dụng); ông Qu, ông Chiêu cùng đóng góp sửa chữa, xây dựng thêm tầng 2, tầng 3 của khối nhà thứ hai, do đó, xác định giá trị xây dựng này không phải là di sản thừa kế của cụ Thản, cụ Biết nên không tính vào di sản để chia cho các đồng thừa kế.

Căn cứ vào Biên bản định giá ngày 27/5/2016 , ngày 13/8 /2019; kết quả đo vẽ ngày 25 tháng 11 năm 2019 thể hiện, nhà, đất nói trên gồm hai khối:

Khối nhà thứ nhất: Do gia đình ông H sử dụng có diện tích đất 17,89 m^2, trên đất xây dựng nhà gạch 03 tầng. Tầng 1 diện tích xây dựng bằng diện tích đất 17,89 m^2 được xác định đã hết khấu hao; Tầng 2 diện tích xây dựng 21,33 m^2, giá trị xây dựng là 37.963.021 đồng. Tầng 3, diện tích xây dựng 18,9m^2, giá trị xây dựng là 97.550.547đồng. Tổng giá trị xây dựng của khối nhà thứ nhất là 135.513.568đồng.

Khối nhà thứ hai: Do gia đình ông Qu và gia đình ông Chiêu (vợ là bà Vũ Thị L và các con là Nguyễn Minh T, Nguyễn Công Hải Đ) sử dụng có diện tích 69,33 m^2. Diện tích xây dựng tầng 1 bằng diện tích đất 69,33m^2 được xác định đã hết khấu hao. Diện tích tầng 2 là 66,09 m^2 ; Diện tích tầng 3 là 19,78m^2 ; Mái lợp tôn 46,31m^2 được xác định đã hết khấu hao. Tổng giá trị xây dựng là 152.830.971đồng.

Giá trị quyền sử dụng đất: 87,22m^2 x 230.000.000đồng/m2 = 20.060.600.000đồng.

Như vậy, di sản thừa kế của cụ Thản, cụ Biết để lại là nhà, đất tại địa chỉ số 190 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội, có diện tích 87,22m^2 có giá trị quyền sử dụng đất là 20.060.600.000đồng.

Giá trị xây dựng tầng 2, tầng 3 của khối nhà thứ nhất và giá trị xây dựng tầng 2, tầng 3 của khối nhà thứ hai là 135.513.568đồng + 152.830.971đồng = 190.793.992đồng được xác định là tài sản riêng của ông H, ông Qu, bà L và các con bà L nên không được xác định là di sản thừa kế.

2.4 Căn cứ để tính công sức cho người chăm sóc người có di sản thừa kế và người có công tôn tạo, bảo quản ...làm tăng giá trị của di sản thừa kế:

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định, cụ Biết trước khi chết có thời gian dài ốm đau phải nằm một chỗ. Người có công chăm sóc, phụng dưỡng cụ Biết nhiều nhất là bà M nên tất cả thống nhất đề nghị tính công sức cho bà M là chủ yếu. Vợ chồng ông Qu sống cùng nhà với cụ Thản, cụ Biết nên có thời gian gần gũi, chăm sóc các cụ nhiều hơn anh, chị em khác nên cũng được xác định có công sức nhiều trong việc chăm sóc, phụng dưỡng hai cụ. Đối với bà L (vợ ông Chiêu) trình bày, thời gian cụ Biết ốm, vợ chồng cũng thường xuyên đến thăm hỏi và biếu tiền cho cụ. Ông Hùng, bà D, bà H đều chứng minh có công chăm sóc, phụng dưỡng hai cụ nhưng xác định trách nhiệm làm con nên không đề nghị tính công sức chăm sóc.

Đối với việc gìn giữ, tôn tạo di sản thừa kế: Tại đơn khởi kiện (BL65) cũng như quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn và bị đơn (ông H) cùng xác nhận, khi còn sống thì ông Chiêu (chồng bà L) cùng với ông Qu sửa chữa, cơi nới xây dựng thêm hai tầng nữa làm tăng diện tích sinh hoạt cho gia đình. Sửa xong thì 2/3 diện tích tầng 1 cho thuê cửa hàng kinh doanh. Tiền thuê nhà sử dụng vào việc sinh hoạt, thuê người phục vụ chăm sóc cho hai cụ cho đến khi cụ Thản, cụ Biết qua đời.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H và ông Qu đều trình bày, diện tích nhà tầng một vẫn được cho thuê và duy trì cho đến nay, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Vũ Thị L và anh Hồ Đăng D cũng xác nhận là người đã thuê diện tích nhà tầng 1 của ông H và ông Qu để kinh doanh. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông H trình bày, tiền cho thuê nhà chỉ có

gia đình ông H sử dụng mà không chia cho ai; ông Qu và bà L xác nhận số tiền thuê nhà (sau khi cụ Thản, cụ Biết chết) được chia đôi, gia đình ông Qu và gia đình bà L mỗi người một nửa.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà L có đơn kháng cáo trình bày, chồng bà (ông Chiêu) khi còn sống là người đã đưa hài cốt của ông Nguyễn Công Chấn (con trai cả của cụ Thản, cụ Biết) là liệt sĩ từ Tây Nguyên về Nghĩa trang thành phố Hà Nội và thờ cúng cho đến nay. Nội dung này được các đương sự xác nhận nên cần xem xét để đảm bảo quyền lợi cho những người hưởng thừa kế của ông Chiêu.

Như vậy với công sức và những đóng góp của từng thành viên trong gia đình trong việc chăm sóc, phụng dưỡng đối với người để lại di sản thừa kế và có công duy trì, tôn tạo, sửa chữa di sản thừa kế được các đương sự xác nhận thì Tòa án cấp sơ thẩm dành một kỷ phần thừa kế để tính công sức là phù hợp, tuy nhiên việc tính công sức cho ông Qu và bà M mỗi người ½ kỷ phần là chưa đánh giá, ghi nhận công sức của ông Chiêu (chồng bà L) cùng ông Qu sửa chữa, cơi nới, xây dựng thêm phần diện tích tầng 2, tầng 3 khối nhà chính là chưa đảm bảo sự công bằng. Do vậy căn cứ vào phân tích nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà L, sửa bản án sơ thẩm, trích một kỷ phần thừa kế để tính công sức cho bà M, ông Qu và ông Chiêu (do bà L và các con của bà L, ông Chiêu được hưởng), cụ thể trích 2/5 của một kỷ phần thừa kế chia cho bà M, số còn lại được chia đều cho ông Qu, bà L và các con của bà L.

Đối với ông H kháng cáo cho rằng, ông cũng có công chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ, tuy nhiên tại cấp sơ thẩm ông H xác định đây là nghĩa vụ của các con nên không đề nghị tính công sức, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là có căn cứ, ngoài ra các đồng thừa kế cũng không xác nhận điều này và cho rằng khi bố, mẹ còn sống thì ông H hầu như không thăm hỏi cũng như chăm sóc bố mẹ do có sự mâu thuẫn, bên cạnh đó thì toàn bộ tiền cho thuê một phần diện tích tầng 1 ông H được hưởng từ nhiều năm nay nhưng không chia cho các đồng thừa kế khác nên kháng cáo của ông H, bà Hồng và anh Quốc A là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên cần xác định giá trị xây dựng tầng 2, tầng 3 khối nhà ông H đang sử dụng là tài sản riêng của ông H, nên kháng cáo của ông H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về nội dung này là có căn cứ chấp nhận

2.5 Đối với khoản tiền 25.483.570đồng ông Qu nộp lệ phí chước bạ, ông Qu đề nghị tính vào di sản thừa kế và xác định công sức cho ông, tuy nhiên bà L đề

nghị số tiền này chia cho các đồng thừa kế phải chịu trách nhiệm. Do các đương sự không thống nhất với đề nghị của ông Qu nên xác định khoản tiền này, mỗi đồng thừa kế phải chịu trách nhiệm nộp lệ phí chước bạ là 4.247.261đồng.

***2.6** Phân chia di sản thừa kế:*

2.6.1. Phần chia bằng giá trị:

Di sản thừa kế của ông Thản và bà Biết được chia làm 7 kỷ phần, gồm 6 kỷ phần cho 6 người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất và 1 kỷ phần để thanh toán công sức cho ông Qu, bà M và ông Chiêu (do bà L và các con được hưởng kỷ phần thừa kế). Cụ thể:

Di sản thừa kế của cụ Thản, cụ Biết là 20.060.600.000 đồng

20.060.600.000 đồng : 7 = 2.865.800.000đ/1 kỷ phần

- Tính công sức cho bà M được 2/5 của 1 kỷ phần = 1.146.320.000đồng

- 3/5 kỷ phần còn lại được tính công sức cho ông Qu và ông Chiêu (do bà L và các con bà L được hưởng), cụ thể mỗi người được hưởng là:

1.719.480.000đồng : 2 = 859.740.000đồng

- Giá trị di sản thừa kế còn lại được chia đều cho 6 người là:

17.194.800.000 : 6 = 2.865.800.000đồng/kỷ phần.

2.6.2. Phần chia bằng hiện vật:

Do các đương sự đều có nguyện vọng được chia bằng hiện vật nên xác định kỷ phần mỗi người được chia tương đương 14,536m^2. Tại phiên tòa sơ thẩm các bà M, bà H, bà D đều đề nghị chia chung một khối. Tòa án cấp sơ thẩm giữ nguyên diện tích ông H đang sử dụng 17,89m^2 và chia cho bà L (vợ ông Chiêu) và ông Qu mỗi người 20,34m^2, phần còn lại 28,64m^2 được chia cho bà M, bà D và bà H như vậy là phù hợp. Ông Hùng, ông Qu và bà L có nghĩa vụ thanh toán giá trị chênh lệch cho bà M, bà H và bà D. Cụ thể:

- Ông Hùng được hưởng 17,89m^2 = 4.114.700.000đ - 2.865.800.000đồng (kỷ phần thực tế được hưởng), còn lại là 1.248.900.000đồng là tiền ông H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà M, bà H và bà D.

- Ông Quang và ông Chiêu (do bà L và các con được hưởng) là 20,34m^2 x 230.000.000đ/m^2 = 4.678.200.000đồng; Kỷ phần ông Qu và ông Chiêu (do bà L và các con được hưởng) là:

2.865.800.000đồng + 859.740.000đ (tính công sức) = 3.725.540.000đồng.

Số tiền ông Qu và ông Chiêu (do bà L và các con) mỗi người phải thanh toán cho bà M, bà D và bà H là:

4.678.200.000đồng - 3.725.540.000đồng = 952.660.000đồng.

- Bà Hằng, bà D và bà M hưởng chung 1 khối tài sản là:

28.64m^2 x 230.000.000đ/m^2 = 6.587.200.000đồng.

Bà Hằng, bà D, bà M được chia chung kỷ phần là:

2.865.800.000đồng x 3 = 8.597.400.000đồng

8.597.400.000đồng + 1.146.320.000đồng (bà M được tính công sức) = 9.743.720.000đồng.

Giá trị tài sản được các đồng thừa kế khác thanh toán là:

9.743.720.000đồng - 6.587.200.000đồng = 3.156.520.000đồng

trong đó ông H thanh toán là 1.248.900.000đồng. Ông Quang và bà L mỗi người thanh toán là 952.660.000đồng.

Bà Hằng và bà D có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà M số tiền công sức là 1.146.320.000đồng nếu bà M có yêu cầu tách số tiền này.

Tuy nhiên trong phần chia bằng hiện vật, Tòa án cấp sơ thẩm tính toán sai về diện tích mỗi kỷ phần được chia nên khi tính giá trị số liệu chưa chính xác, do vậy Tòa án cấp phúc thẩm sửa và chia, xác định lại số liệu, giá trị như đã tính nêu trên.

2.7 Đối với kháng cáo của ông H, bà L cho rằng, giá trị quyền sử dụng đất do hội đồng định giá 230.000.000đồng/m^2 là quá cao, đề nghị quay lại giá đã định giá lần thứ nhất là 150.000.000đồng/m^2. Xét thấy, sau khi Hội đồng định giá tiến hành định giá đúng quy định tố tụng và Tòa án đã thông báo kết quả định giá cho các đương sự. Các đương sự trong vụ án không ai có khiếu nại đối với kết quả định giá, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào kết quả định giá do Hội đồng định giá xác định để làm căn cứ chia di sản thừa kế theo pháp luật là đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Sau khi xét xử sơ thẩm bà L có đơn kháng cáo và đề nghị xem xét miễn nộp tiền án phí cho bà vì bà thuộc trường hợp được miễn tiền án phí do bà là người cao tuổi. Xét thấy, ông H và bà L đều được xác định là người cao tuổi và có đơn đề nghị nên đều thuộc trường hợp được miễn án phí. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét miễn nộp tiền án phí cho ông H là đúng quy định của pháp luật, nay sửa án sơ thẩm xác định bà L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Các thừa kế khác được hưởng thừa kế phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở đó Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà L, sửa bản án về phần án phí.

Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 127, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660; Điều 468; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ điểm đ, khoản 1 điều 18, khoản 7 Điều 27, Điều 48 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngµy 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy banThường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim D, bà Nguyễn Thúy M đối với bà Vũ Thị L, ông Nguyễn Quốc H và ông Nguyễn Ngọc Qu.

2. Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Thị Biết là ngày 24/4/2009 và cụ Nguyễn Công Thản là ngày 21/2/2010.

3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Công Thản và cụ Nguyễn Thị Biết gồm:

3.1. Ông Nguyễn Công Chiêu, sinh năm 1953 (đã chết tháng 5 năm 2015), có vợ là bà Vũ Thị L và hai con là Nguyễn Minh T, Nguyễn Công Hải Đ.

3.2. Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1957

3.3. Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1959

3.4. Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1962

3.5. Ông Nguyễn Ngọc Qu, sinh năm 1967

3.6. Bà Nguyễn Thúy M, sinh năm 1970

4. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Công Thản và cụ Nguyễn Thị Biết để lại là thửa đất số 03 tờ bản đồ số 22, tại địa chỉ số 190 Đội Cấn, phường Đội Cấn, quận Ba Đình, Hà Nội, diện tích 87,22m^2 . Đất và tài sản gắn liền với đất có tổng giá trị là 20.060.600.000đồng. Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng

đất ở số 10101132547, hồ sơ gốc số 797.2004.QĐUB.1535.2004 do UBND quận Ba Đình cấp ngày 21/5/2004 cho cụ Nguyễn Công Thản và cụ Nguyễn Thị Biết.

5. Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Công Thản và cụ Nguyễn Thị Biết làm 7 kỷ phần, trong đó 1 kỷ phần để tính công sức, 6 kỷ phần thừa kế, cụ thể:

Tính công sức cho ông Nguyễn Công Chiêu (do bà Vũ Thị L và các con là Nguyễn Minh T, Nguyễn Công Hải Đ) và ông Nguyễn Ngọc Qu, mỗi người được hưởng là 952.660.000đồng. Bà Nguyễn Thúy M được hưởng là 1.146.320.000đồng.

5.1 Phần chia bằng giá trị:

- Giá trị di sản thừa kế sau khi trừ 1 kỷ phần để tính công sức còn lại được chia đều cho 6 người là:

20.060.600.000đồng : 6 = 2.865.800.000đồng/kỷ phần

5.2 Phần chia bằng hiện vật:

Chia theo chiều thẳng đứng từ tầng 3 xuống tầng 1, chạy dọc theo phần nhà đất mặt phố Đội Cấn cho các đương sự. Cụ thể:

5.2.1. Chia cho ông Nguyễn Quốc H được quyền sử dụng 17,89m^2 đất, có chiều rộng mặt phố Đội Cấn là 2,76m, chiều dài 6,48m và được sở hữu, sử dụng các công trình xây dựng trên đất được chia (giới hạn bởi các điểm 4, 5, 6, 4', có sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

Trị giá phần nhà đất ông H được chia là: 4.114.700.000đ. So với kỷ phần được hưởng còn dư ra 1.248.900.000đồng, ông H có trách nhiệm thanh toán lại cho bà M, bà D và bà H số tiền này.

5.2.2 Chia cho bà H, bà D và bà M hưởng chung 1 khối tài sản là 28.64m^2 đất (phần nhà đất tiếp giáp với nhà, đất chia cho ông H), có chiều rộng mặt phố Đội Cấn là 2,16 m; được sở hữu và sử dụng các công trình xây dựng trên đất được chia (giới hạn bởi các điểm 3, 4, 4', 6,7, 8, có sơ đồ phân chia kèm theo bản án); được sở hữu, sử dụng bức tường ngăn giữa phần nhà đất chia cho ông H và phần nhà đất chia cho bà D, bà H, bà M.

Trị giá nhà, đất bà D, bà H, bà M được chia là 6.587.200.000đồng.

Ba kỷ phần được chia cộng với tiền công sức của bà M được hưởng là:

8.597.400.000đồng + 1.146.320.000đồng (bà M được tính công sức) = 9.743.720.000đồng.

So với kỷ phần được hưởng là còn thiếu, bà D, bà H, bà M được các đồng thừa kế khác thanh toán, cụ thể là:

- Ông Nguyễn Quốc H là 1.248.900.000đồng

- Ông Nguyễn Ngọc Qu là 952.660.000đồng

- Bà Vũ Thị L và các con là Nguyễn Minh T, Nguyễn Công Hải Đ là 952.660.000đồng.

(trường hợp bà M có yêu cầu tách số tiền công sức thì bà H và bà D có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà M số tiền công sức là 1.146.320.000đồng*).*

5.2.3. Chia cho ông Qu được hưởng 20,34m^2 tiếp giáp nhà, đất chia cho bà H, bà D, bà Mai, có chiều rộng mặt phố Đội Cấn là 2,16m, chiều dài 9,42 m, được sở hữu, sử dụng các công trình xây dựng trên phần diện tích đất được chia (được giới hạn bởi các điểm 2, 3, 8, 9, có sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

Trị giá nhà đất ông Qu được chia là 4.678.200.000đồng; Kỷ phần ông Qu được hưởng 2.893.056.284đồng + 859.740.000đ (tính công sức) = 3.725.540.000đồng.

So với kỷ phần được hưởng số tiền còn dư ông Qu phải thanh toán cho bà M, bà D và bà H là 4.678.200.000đồng - 3.725.540.000đồng = 952.660.000đồng.

5.2.4 Chia cho các thừa kế của ông Nguyễn Công Chiêu là bà Vũ Thị L và hai con là Nguyễn Minh T và Nguyễn Công Hải Đ, được sở hữu, sử dụng diện tích đất 20,34 m^2, có chiều rộng phố Đội Cấn 2,16m, chiều dài 9,42m và được sở hữu, sử dụng các công trình xây dựng trên phần diện tích đất được chia (giới hạn bởi các điểm 1,2,9,10, có sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

Trị giá nhà, đất bà Vũ Thị L và hai con là Nguyễn Minh T và Nguyễn Công Hải Đ được chia có giá trị là 4.678.200.000đồng;

Kỷ phần bà Vũ Thị L và hai con là Nguyễn Minh T và Nguyễn Công Hải Đ được hưởng là:

2.893.056.284đồng + 859.740.000đ (tính công sức) = 3.725.540.000đồng.

So với kỷ phần được hưởng, số tiền còn dư bà L, chị Trang và anh Đăng phải thanh toán cho bà M, bà D và bà H là: 4.678.200.000đồng - 3.725.540.000đồng = 952.660.000đồng.

6. Đối với khoản tiền 25.483.570đồng ông Qu nộp lệ phí chước bạ, ông H, bà H, bà D, bà M và 3 mẹ con bà L (bà L, chị Trang, anh Đăng) mỗi đồng thừa kế phải trả lại cho ông Qu số tiền là 4.247.261đồng.

7. Về án phí :

** Về án phí dân sự sơ thẩm:*

7.1 Bà Nguyễn Thuý Mai, phải chịu 112.012.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 36.000.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà M đã nộp theo Biên lai số số 0007914 ngày 04/01/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình. Số tiền án phí bà M còn tiếp tục phải nộp là 76.012.000đồng.

7.2 bà Nguyễn Thị Kim H và bà Nguyễn Thị Kim D, mỗi người phải chịu 89.316.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 36.000.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mỗi người đã nộp theo Biên lai số số 0007913, 0007915 ngày 04/01/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình. Số tiền án phí bà H, bà D mỗi người còn tiếp tục phải nộp là 53.316.000đồng.

7.3 Bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Quốc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

7.4 Chị Nguyễn Minh T và anh Nguyễn Công Hải Đ phải chịu *(2/3 của số tiền án phí)* 71.007.000đồng.

7.5 Ông Nguyễn Ngọc Qu phải chịu 106.510.800đồng án phí dân sự sơ thẩm.

* *Về án phí phúc thẩm:* ông Nguyễn Quốc H, bà Vũ Thị L, bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Quốc A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho ông H, bà L, bà Hồng và anh Quốc A mỗi người 300.000đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai số 0024024, ngày 12/12/2019 (bà L), Biên lai số 0024033 (Quốc Anh), biên lai số 0024031 và biên lai số 0024032 (bà Hồng) cùng nộp ngày 13/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát NDTP Hà Nội;.
- Tòa án nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

C THẨM

Trần Thị Thu Nam